TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-PT
Ngày: 27/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Võ Công Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2023/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị C; cư trú tại KP C, P H, T1; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn Q; cư trú tại T, Ân Hảo T, Hoài Ân B; có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*: Bà Huỳnh Thị Thu Đ; cư trú tại T, Ân Hảo T, Hoài Ân B; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Văn Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Thị C trình bày:

Từ khoảng tháng 4/2018, giữa bà và ông Huỳnh Văn Q có quen biết nhau qua zalo trên điện thoại, sau nhiều lần trò chuyện thì kết bạn với nhau. Năm 2018, ông Q

yêu cầu bà cho mượn tiền để làm ăn, nên từ tháng 9/2018 đến tháng 10/2019, bà nhiều lần cho ông Q mượn tiền; có lần giao bằng tiền mặt, có lần bà chuyển khoản qua tài khoản của em ruột ông Q là bà Huỳnh Thị Thu Đ (số tài khoản là 43112053070), bà chuyển khoản tại Ngân hàng N - Chi nhánh t2 (gọi tắt là A). Tổng số lần bà cho ông Q mượn tiền mặt khoảng 100.000.000đ và chuyển khoản cho ông Q 199.500.000đ, tổng cộng là 299.500.000đ; tất cả các lần cho mượn tiền mặt không có giấy tờ gì, số tiền chuyển khoản theo các chứng từ của Ngân hàng xác nhận. Bà yêu cầu ông Q phải trả cho bà tổng số tiền nợ là 299.500.000đ; nhưng trước khi mở phiên tòa, bà C rút một phần yêu cầu, bà yêu cầu ông Q trả cho bà 199.500.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Q trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị C không quen biết nhau, năm 2017 ông và bà C kết bạn trên zalo trên điện thoại, sau một thời gian thì ông và bà C phát sinh tình cảm yêu đương nhau. Đến năm 2018, ông bị tai nạn gãy chân, chấn thương sọ não phải điều trị tại Bệnh viện, nên bà C có cho tiền ông điều trị, lúc thì bà C đưa tiền mặt, lúc thì chuyển tiền vào tài khoản của em ông là Huỳnh Thị Thu Đ; số tiền bà C cho ông bao nhiêu thì ông không nhớ, nhưng ông chỉ biết mỗi lần bà C chuyển vài triệu chứ không như bà C khai. Nay ông không chấp nhận yêu cầu của bà C, vì số tiền bà C chuyển là cho ông chứ không vay mượn gì của bà C. Số tiền bà C chuyển qua ngân hàng có chứng từ là đúng.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu Đ trình bày:

Bà là em ruột của ông Q; trong năm 2018, ông Q bị tai nạn phải điều trị tại Bệnh viện. Sau khi xuất viện, về nhà thì ông Q vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, thần kinh không ổn định, thời gian đó ông Q có yêu cầu bà cho mượn tài khoản để bạn bè chuyển tiền cho ông để tiếp tục điều trị; số tài khoản bà sử dụng là 43112053070, đăng ký tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện A (gọi tắt là A1). Lần đầu tiên bà có rút 2.000.000đ do người nào đó chuyển vào tài khoản về đưa cho ông Q; do tài khoản của bà không còn tiền, nên bà giao luôn thẻ ATM và mật khẩu cho ông Q sử dụng; sau đó bà C có chuyển tiền không thì bà không biết; việc ông Q có nợ tiền bà C hay không thì không liên quan gì đến bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số *11/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện H quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Văn Q phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 247.519.650đ (hai trăm bốn bảy triệu, năm trăm mười chín ngàn, sáu trăm năm chục đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/3/2023 bị đơn ông Huỳnh Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả tiền cho bà Huỳnh Thị C vì việc chuyển tiền không ghi rõ nội

dung chuyển cho hay mượn, nhưng sự thật là bà C tự nguyện chuyển tiền tặng cho ông để giúp đỡ trong lúc ông bị tai nạn cần tiền điều trị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn Q, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Văn Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Căn cứ vào các chứng từ sao kê do ngân hàng cung cấp và sự thừa nhận của các bên đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định từ ngày 05/9/2018 đến ngày 21/10/2019 bà Huỳnh Thị C có nộp tiền vào tài khoản số 43112053070 của bà Huỳnh Thị Thu Đ (là em ruột của ông Huỳnh Văn Q), đăng ký tại ngân hàng A2 chi nhánh huyện A, tỉnh Bình Định 22 lần với tổng số tiền là 199.500.000đ (một trăm chín chín triệu, năm trăm ngàn đồng). Ông Q đã rút số tiền 199.500.000đ dùng để điều trị bệnh cho ông (do bị tai nạn năm 2018).

Hội đồng xét xử xét thấy các chứng từ do ngân hàng cung cấp, các lần chuyển tiền chỉ ghi nội dung bà Huỳnh Thị C nộp tiền, không ghi cho mượn hay tặng cho. Bà C cho rằng năm 2018 bà kết bạn với ông Q qua Zalo, ông Q yêu cầu bà cho mượn tiền làm ăn nên bà mới nhiều lần chuyển tiền cho ông Q mượn, ngược lại ông Q cho rằng giữa ông và bà C có quan hệ yêu đương, năm 2018 ông bị tai nạn thì bà C tự nguyện giúp đỡ chuyển tiền cho ông điều trị bệnh chứ ông không vay mượn bà C. Tuy nhiên, ông Q không có chứng cứ nào chứng minh bà C tự nguyện tặng cho ông Q số tiền 199.500.000đ. Mặc dù bà C chuyển tiền cho ông Q không nói rõ mục đích tặng cho hay cho mượn nhưng thực tế bà C có chuyển tiền và ông Q đã sử dụng số tiền 199.500.000đ của bà C cho việc cá nhân ông Q. Do đó có căn cứ xác định bà C chuyển tiền cho ông Q mượn, không tính lãi và không có thời hạn trả là để giúp đỡ ông Q trong giai đoạn khó khăn là có cơ sở. Vì vậy nay bà C khởi kiện thì ông Q phải có trách nhiệm trả lại cho bà C số tiền 199.500.000đ và lãi theo quy định pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi của bà C: Cấp sơ thẩm cho rằng thời gian tính lãi kể từ ngày bà C thấy quyền lợi ích bị xâm phạm là ngày bà C làm đơn tố giác ngày 22/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (24/2/2023) là không có cơ sở. Vì đây là hợp đồng cho vay không có kỳ hạn và không có lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 469 bà C phải thông báo một thời gian hợp lý để ông Q trả nợ. Tại hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh trước khi yêu cầu trả nợ bà C đã thông báo trước một thời gian hợp lý. Theo điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, thì thời gian hợp lý là không quá 03 tháng và đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả

nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm; Vụ án sơ thẩm thụ lý ngày 26/4/2021 nên cần lấy mức thời gian báo trước tối đa 03 tháng tính từ ngày Thông báo thụ lý vụ án là ngày 26/7/2021 để tính thời điểm ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Số tiền lãi được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 từ ngày 26/7/2021 đến ngày xét xử (24/2/2023) là: 199.500.000đ x 0,833%/tháng x 19,27 tháng = 32.030.000đ.

[2.3] Như vậy ông Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 231.530.000đ (trong đó nợ gốc 199.500.000đ; nợ lãi 32.030.000đ).

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Q sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi cho phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa tiền lãi nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại ông Q phải chịu 11.576.500đ. Bà C không phải chịu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đ.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì ông Q không phải chịu.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn Q, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn Q. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Buộc ông Huỳnh Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 231.530.000đ (trong đó nợ gốc 199.500.000đ; nợ lãi 32.030.000đ).

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn Q phải chịu 11.576.500đ.

- Bà Huỳnh Thị C không phải chịu án phí nên hoàn trả cho bà C 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0010279 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Q không phải chịu. Hoàn trả cho ông Q tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0010901 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký và đóng dấu*)

Phan Minh Dũng